

ĐÓNG GÓP CỦA KIỀU DÂN NEPAL ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN QUỐC GIA

Contributions of Nepalese diaspora to the national development

PHẠM THỦY NGUYÊN*

Ngày nhận bài: 09/9/2023, ngày gửi phản biện: 15/9/2025, ngày duyệt đăng: 30/9/2025

So với các quốc gia trong khu vực, Nepal ở vị trí khiêm tốn về hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, quốc gia này chứng kiến sự phát triển đáng kể, phần lớn nhờ vào công sức của cộng đồng người Nepal ở nước ngoài. Mặc dù ở xa quê hương, nhưng kiều dân đã và đang đóng góp vào sự phát triển của Nepal dưới nhiều hình thức như kiều hối, kết nối nhân dân, phát huy giá trị văn hóa... Sự phát triển của dòng kiều hối là kết quả của một quá trình di cư ra nước ngoài tìm việc làm của người dân Nepal. Thông qua việc phân tích chính sách và số liệu của chính phủ Nepal và các tổ chức quốc tế, bài viết nhằm làm rõ vai trò của kiều dân Nepal trong quá trình phát triển của đất nước và các chính sách của chính phủ đối với kiều dân Nepal.

Từ khóa: Kiều dân, kiều hối, phát triển kinh tế.

Compared to other South Asian countries, Nepal is a modest country in terms of economic activity. However, in recent years, this country has witnessed remarkable development, largely due to the efforts of the Nepalese community abroad. Despite being far from home, they have been contributing to the development of Nepal in many forms such as remittances, people-to-people connection, cultural values promotion,... The increase in the remittance inflow is the result of a process of migration abroad to find jobs of the Nepalese workers. Through data and policy analysis of Nepalese government and international organizations, this study clarifies the role of Nepalese diaspora in the development of the country and the government's policies towards Nepalese diaspora.

Key words: Nepalese diaspora, remittance, economic development.

Mở đầu

Là một quốc gia nhỏ tại khu vực Nam Á, nền kinh tế Nepal phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp và dịch vụ. Trong những năm gần đây, GDP Nepal đã có tăng trưởng cao, tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp trong nước cũng ở mức cao so với thế giới. Điều này là dẫn đến xu hướng người dân ra nước ngoài tìm kiếm việc làm ngày càng tăng. Lượng kiều

* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi; Email: nguyenpham198@gmail.com

hồi trở thành nguồn đóng góp lớn thứ hai cho nền kinh tế Nepal. Những người Nepal ở nước ngoài lâu năm hay ngắn hạn, đều đóng góp vào sự phát triển của Nepal thông qua hình thức kiều hối, bảo tồn văn hóa, chuyển giao công nghệ, vận động chính sách và quảng bá bản sắc của Nepal trên trường quốc tế. Thông qua nghiên cứu chính sách và các số liệu của chính phủ Nepal và các tổ chức quốc tế, bài viết làm rõ vai trò của kiều dân Nepal trong quá trình phát triển quốc gia, tập trung ở lĩnh vực kinh tế, văn hóa, kỹ thuật và tri thức, hỗ trợ nhân đạo và thiên tai và các chính sách của chính phủ nhằm đạt được những kết quả như hiện nay.

1. Kiều dân và sự phát triển quốc gia

Theo Từ điển Di cư của IOM (2011), người di cư là “những cá nhân và thành viên của các mạng lưới, hiệp hội và cộng đồng đã rời khỏi đất nước gốc nhưng vẫn duy trì mối liên hệ với quê hương. Khái niệm này bao gồm các cộng đồng người di cư ổn định hơn, người lao động di cư tạm thời ở nước ngoài, người di cư mang quốc tịch của nước sở tại, người mang hai quốc tịch, và người di cư thế hệ thứ hai, thứ ba”.

Theo William Safran (1991), những người di cư ra nước ngoài mang những đặc điểm sau:

(i) Người di cư thường đi đến ít nhất hai khu vực. Những người rời khỏi nơi xuất xứ, thường di cư tới không chỉ một địa điểm mà trải rộng ở nhiều nơi

(ii) Luôn tồn tại ký ức tập thể về quê hương

(iii) Tâm lý chắc chắn rằng xã hội sở tại không chấp nhận họ. Điều này là rào cản lớn đối với cộng đồng người di cư tại quốc gia sở tại

(iv) Hướng về quê hương thường được lý tưởng hóa như một mục tiêu quan trọng để hồi hương

(v) Niềm tin vào trách nhiệm tập thể trong việc duy trì, đảm bảo an ninh cho quê hương

(vi) Luôn duy trì mối quan hệ cá nhân hoặc tập thể với quê hương

Như vậy, có thể thấy, kiều dân tạo nên mạng lưới kết nối toàn cầu phức tạp. Các cộng đồng di cư vốn mang tính xuyên quốc gia và thường phát triển các mối quan hệ độc đáo với các khu vực, nền văn hóa và xã hội khác nhau. Sự đa dạng về khu vực định cư này có thể dẫn đến sự đa dạng về bản sắc di cư, khiến cộng đồng trở thành một thực thể năng động và đa diện. Các cộng đồng di cư gìn giữ văn hóa cổ truyền và luôn nhớ về quê hương, thậm chí qua nhiều thế hệ. Ký ức về nguồn cội có thể dựa trên kinh nghiệm sống hoặc được truyền lại qua các câu chuyện, nghi lễ và tập quán văn hóa; duy trì bản sắc và cảm giác thuộc về của cộng đồng, kết nối với quá khứ, có thể ảnh hưởng đến các hoạt động chính trị, xã hội và văn hóa trong cộng đồng di cư. Nó cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc định hình cách cộng đồng di cư liên hệ với xã hội sở tại, thường tạo ra sự căng thẳng giữa việc gìn giữ di sản và việc thích nghi với hoàn cảnh

mới. Kiêu dân có thể đối diện với các rào cản ở quốc gia mới như phân biệt đối xử, phân biệt chủng tộc, hoặc các rào cản mang tính hệ thống cản trở sự hòa nhập. Đặc điểm này có những tác động chính trị và tâm lý đối với các cộng đồng di cư, có thể thúc đẩy sự đoàn kết trong nhóm, khuyến khích sự tự bảo tồn và duy trì các hoạt động văn hóa. Tuy nhiên, sự khác biệt về văn hóa và nguồn gốc cũng khiến họ “khác biệt” với quốc gia mới hoặc bị mắc kẹt giữa hai nền văn hóa. Cảm giác không được chấp nhận này thường dẫn đến việc các nhóm di cư hình thành các cộng đồng gắn bó chặt chẽ để đối diện với những áp lực bên ngoài. Những người ở xa quê luôn tìm kiếm cơ hội trở về tìm hiểu nguồn cội văn hóa. Mong muốn trở về hoặc tìm lại quê hương đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì bản sắc và ý thức về mục đích của họ.

Kiêu dân có trách nhiệm về an ninh đối với quê hương, thông qua các hoạt động xã hội, vận động hành lang, hỗ trợ chính trị, thậm chí cả các phong trào chính trị xuyên quốc gia và kiêu hói. Điều này đặc biệt mạnh mẽ khi quê hương ở tình trạng bất ổn chính trị hoặc khủng hoảng kinh tế. Những hành động này có thể giúp củng cố các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng di cư, khi các thành viên hợp tác để hỗ trợ các cuộc đấu tranh của quê hương. Theo IOM (2013), các vấn đề khủng hoảng, bao gồm thiên tai là một trong các nguyên nhân của di dời cưỡng bức và về lâu dài tạo ra các cộng đồng người di cư.

Việc chuyển giao các kỹ năng của cộng đồng người di cư có thể củng cố và xây dựng các thể chế y tế, giáo dục, tư pháp và các thể chế khác ở một quốc gia bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng và ngược lại, người di cư ở nước ngoài có thể huy động các nguồn hỗ trợ khác để phục hồi đất nước xuất xứ. Cộng đồng kiêu dân thường là những nhà đầu tư trở lại vào quốc gia xuất xứ và đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội bền vững hơn. Thông qua nguồn kiêu hói, các gia đình và cộng đồng được hỗ trợ trong ngắn hạn, và đồng thời là nguồn đầu tư vào cơ sở hạ tầng có thể đảm bảo tăng trưởng và phát triển lâu dài. Ngoài ra, cộng đồng kiêu dân duy trì kết nối với quê hương thông qua các phương thức khác như giao tiếp, du lịch, quan hệ gia đình và tham gia vào đời sống chính trị và xã hội của quê hương. Bên cạnh đó, cộng đồng kiêu dân cũng trở thành một phần của ngoại giao không chính thức và hỗ trợ quảng bá quyền lực mềm của quốc gia xuất xứ thông qua truyền bá văn hóa, ngôn ngữ và giá trị của quê hương tại quốc gia sở tại. Theo tài liệu của Liên Hợp Quốc, lượng kiêu hói quốc tế tương đương 3 lần hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), và ổn định hơn những dạng đầu tư cá nhân, đã và đang hỗ trợ cho hàng triệu hộ dân thoát nghèo, và đóng góp vào sự phát triển của an ninh lương thực, sức khỏe, và tình trạng của các hộ dân (United Nations, 2017). Điều này cũng được các học giả chia sẻ trong các nghiên cứu. Plaza, S., & Ratha, D (2011) cho biết: “kiêu dân ở các nước phát triển là lực lượng quan trọng cho sự phát triển của các quốc gia xuất xứ thông qua kiêu hói, thương mại, đầu tư, phát triển, nghiên cứu, sáng tạo, chuyển nhượng kiến thức và công nghệ”. Nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra kiêu hói của người di cư là một trong những hình thức chuyển giao tài chính quan trọng nhất tại quê nhà, bao gồm dòng kiêu hói chính thức và phi chính thức. Với sự gia tăng số lượng người di cư, đặc biệt là người lao động từ các nước đang phát triển đến làm việc tại các quốc gia giàu

có, đóng góp trực tiếp hoặc gián tiếp vào sự phát triển của quốc gia cũng ngày càng tăng lên (David de Ferranti và Anthony J. Ody, 2007).

2. Khái quát về kiều dân Nepal

Trong quá khứ, người Nepal từng di cư ra nước ngoài thông qua nhiều con đường khác nhau. Sau khi thống nhất vào năm 1768, Nepal bắt đầu trở thành tuyến đường thương mại chính từ Ấn Độ đến Tây Tạng. Vào thế kỷ XVII, một số nghệ nhân và thương nhân thuộc cộng đồng dân tộc Newar đã bắt đầu tham gia vào các hoạt động liên quan đến thương mại. Những nghệ nhân và thương nhân này đến Tây Tạng và định cư ở Shigatse, Gyantse và Lhasa. Do đó, nếu nói về cộng đồng người Nepal ở nước ngoài trước năm 1850, thì đó là người Newar, cư dân của thung lũng Kathmandu (Gellner, 2013). Vào thế kỷ XVIII, nhiều người Bà-la-môn Nepal đã đến sống tại Kashi, Banaras ở Ấn Độ. Ban đầu gắn liền với vai trò là trung tâm học thuật của Kashi, người Bà La Môn giáo đến đây để học tiếng Phạn, và nhiều người đã ở lại định cư (Gaenszle, 2002). Vào giữa những năm 50 của thế kỷ XIX, quân đội Anh đã tuyển mộ người Nepal trên quy mô lớn để dập tắt cuộc nổi dậy của cộng sản Malaya. Hàng ngàn binh sĩ Nepal đã chiến đấu trong Thế chiến I và II trong quân đội Anh.

Hiện nay, người Nepal di cư theo ba hình thức: thứ nhất, tìm kiếm việc làm ở các quốc gia châu Á; thứ hai, tìm kiếm việc làm tại các thành phố của Ấn Độ; và thứ ba, thông qua đường hàng không, tới làm việc ở các quốc gia vùng Vịnh.

Theo Đạo luật Người Nepal Không Cư trú (Non-Resident Nepalese - NRN) năm 2008 của Chính phủ Nepal, NRN chỉ “cộng đồng người Nepal di cư”, những người thuộc diện NRN thuộc một trong những điều kiện sau: (a) một công dân Nepal đã sống liên tục ở nước ngoài ít nhất hai năm; hoặc (b) một công dân nước ngoài gốc Nepal.

Theo điều 2, luật Người Nepal Không Thường trú 2008, người Nepal ở nước ngoài được chia thành 3 nhóm:

(i) “Người Nepal không cư trú” nghĩa là công dân nước ngoài có nguồn gốc Nepal, và thuật ngữ này cũng bao gồm công dân Nepal cư trú ở nước ngoài.

(ii) “Công dân nước ngoài có nguồn gốc Nepal” nghĩa là người mà bản thân hoặc cha, ông, bà của họ từng là công dân Nepal và sau đó đã nhập quốc tịch của bất kỳ quốc gia nước ngoài nào khác ngoài quốc gia thành viên của Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á (SAARC).

(iii) “Công dân Nepal cư trú ở nước ngoài” nghĩa là công dân Nepal đã cư trú tại bất kỳ quốc gia bên ngoài nào trong ít nhất hai năm bằng bất kỳ nghề nghiệp, công việc, kinh doanh và việc làm nào, ngoại trừ công dân Nepal đang sống tại một quốc gia thành viên của SAARC hoặc đang làm việc tại một cơ quan ngoại giao hoặc lãnh sự quán đặt tại một quốc gia nước ngoài theo sự phân công của chính phủ Nepal và đang học tập tại một cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài.

Ngày nay, người Nepal sinh sống ở nước ngoài xuất phát từ một số động lực chính là:

(i) Động lực kinh tế, một trong những động lực chính của di cư là tìm kiếm triển vọng việc làm tốt hơn. Nhiều người lao động Nepal đã tìm kiếm việc làm tại Ấn Độ, Trung Đông, Đông Nam Á và các khu vực khác trên thế giới, thường trong các lĩnh vực như xây dựng, giúp việc gia đình, khách sạn và chăm sóc sức khỏe. Nguồn lao động di cư này đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ gia đình và cộng đồng ở quê nhà (IOM, 2019).

(ii) Động lực chính trị do tình hình bất ổn về chính trị và bộ máy hoạt động thiếu hiệu quả khiến nhiều thanh niên trẻ mong muốn tìm kiếm cơ hội ở nước ngoài. Từ năm 1990, vấn đề sắc tộc thường bị lợi dụng để trục lợi chính trị, bởi nhiều chính trị gia ở Nepal có xu hướng chia rẽ công chúng theo đẳng cấp và sắc tộc, ở trong nước và nước ngoài (Thakur Prasad Subedi, 2013). Các vấn đề thiếu tầm nhìn chính trị dài hạn, tham nhũng (Ojha, 2007) tồn tại lâu năm ảnh hưởng tiêu cực tới cơ hội nghề nghiệp của thanh niên và thiếu minh bạch về hoạt động chính trị. Những người Nepal ở nước ngoài cũng quan tâm tới vấn đề song tịch, khi họ đã có cuộc sống ổn định ở nước ngoài. Tháng 9 năm 2025, Nepal chứng kiến sự nổi dậy của thanh niên Nepal (gen Z) lật đổ chính quyền và yêu cầu xây dựng một chính phủ lâm thời với người lãnh đạo do họ lựa chọn. Đây là minh chứng cho thấy tình hình bất ổn về an ninh chính trị trong thời gian dài không thể là điều kiện hấp dẫn cho kiều dân đầu tư vào Nepal.

(iii) Động lực văn hóa - giáo dục, các thanh niên Nepal trong độ tuổi học hành quan tâm tới chất lượng giáo dục cao, là yếu tố quan trọng của việc di cư. Sinh viên Nepal ngày càng tìm kiếm nhiều các cơ hội du học, đặc biệt tại các quốc gia phát triển như Mỹ, Australia, Canada và Vương quốc Anh. Những sinh viên này thường phải đối mặt với thách thức cân bằng việc học tập với việc duy trì mối liên hệ với nguồn gốc Nepal của mình. Sinh viên Nepal du học chủ yếu tại 69 quốc gia, tập trung tại Ấn Độ, Trung Quốc, Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Vương quốc Anh, Mỹ, Pháp và Đức (Nepali Sansar, 2019).

(iv) Động lực cá nhân, gia đình nhằm tìm kiếm cơ hội cải thiện kinh tế, định cư ổn định hỗ trợ gia đình. Thông qua các cơ hội du học nâng cao trình độ, và lao động tại nước ngoài, thanh niên Nepal đạt được những mục tiêu cá nhân cho gia đình.

Với các động lực khác nhau về nghề nghiệp, giáo dục, đặc điểm văn hóa, cộng đồng người Nepal ở nước ngoài hiện tập trung tại các quốc gia Saudi Arabia, Qatar, tại Trung Đông và khu vực Đông Nam Á (Malaysia), Nam Á (Ấn Độ, Bangladesh) và phương Tây như Mỹ, Anh và Australia (Bảng 2.1).

Bảng 2.1. Các quốc gia tập trung nhiều kiều dân Nepal năm 2020*Đơn vị: Người*

Quốc gia	Số lượng kiều dân Nepal
Malaysia	578.082
Ấn Độ	533.646
Arab Saudi	490.965
Qatar	254.340
Mỹ	114.120
Australia	78.016
Vương quốc Anh	40.003
Bangladesh	39.573
UAE	27.474
Kuwait	24.012

Nguồn: DESA (2020).

3. Chính sách của Nepal đối với kiều dân

Để thu hút nguồn đầu tư và nhân lực chất lượng cao quay trở lại quê hương, Chính phủ Nepal đã phát triển hệ thống hỗ trợ người di cư ra nước ngoài, và đối với kiều dân Nepal trở về đầu tư và xây dựng đất nước.

Luật và Quy định về Việc làm Nước ngoài (Government of Nepal, 2008) hợp nhất các luật về việc làm nước ngoài nhằm bảo vệ sự an toàn và đảm bảo điều kiện làm việc đàng hoàng cho công dân Nepal ở nước ngoài, Hội đồng Việc làm Nước ngoài, nay được gọi là Ban Thư ký Hội đồng Việc làm Nước ngoài (FEBS), và Bộ Việc làm Nước ngoài (DoFE) thực hiện các biện pháp hỗ trợ công dân muốn di cư làm việc. FEBS, thuộc Bộ Lao động, Việc làm và An sinh Xã hội (MoLESS), giám sát và nỗ lực đảm bảo phúc lợi cho người lao động di cư Nepal, bao gồm quản lý Quỹ Phúc lợi Việc làm Nước ngoài, hỗ trợ người lao động Nepal ở nước ngoài và cung cấp hỗ trợ tài chính cho gia đình của người lao động di cư đã qua đời. DoFE chịu trách nhiệm quản lý và điều chỉnh việc di cư lao động tại Nepal, bao gồm hợp tác với các quốc gia đến về hợp đồng lao động cho việc làm ở nước ngoài, quản lý giấy phép hoạt động kinh doanh việc làm ở nước ngoài và điều chỉnh các tổ chức cung cấp dịch vụ định hướng việc làm ở nước ngoài. DoFE và FEBS hợp tác để cung cấp chương trình đào tạo định hướng bắt buộc trước khi khởi hành đối với tất cả cư dân Nepal đi lao động ở nước ngoài.

Để củng cố kết nối tình cảm, văn hóa và kinh tế với quê hương, chính phủ Nepal đã nỗ lực chủ động thu hút công dân rải rác khắp thế giới vào quá trình xây dựng đất nước thông qua xây dựng và triển khai các chính sách dành cho kiều dân. Một bước ngoặt lớn đã đến với việc thành lập Hiệp hội Người Nepal Không Thường trú (NRNA) vào năm 2003, đánh dấu sự khởi đầu của hoạt động kiều dân một cách có hệ thống, cho phép những người gốc Nepal sống ở nước ngoài đóng góp ý nghĩa cho quê hương. Chính phủ đã ban hành Đạo luật Người Nepal Không Thường trú năm 2008 và các quy định tương ứng năm 2009. Các văn bản pháp lý này xác định danh tính của Người Nepal Không Thường trú (NRN), nêu rõ các quyền của họ và thiết lập các điều khoản liên quan đến cơ hội đầu tư, quyền sở hữu tài sản và thẻ căn cước NRN (Desh Sanchar, 2025).

Năm 2008, Đạo luật Người Nepal Không Thường trú quy định các điều khoản pháp lý nhằm khuyến khích người Nepal không thường trú tham gia vào sự phát triển toàn diện của Nepal. Đạo luật bao gồm các quyền mở tài khoản ngân hàng hoặc đầu tư bằng ngoại tệ chuyển đổi, hồi hương tiền, mua đất hoặc bất động sản, và điều hành bất kỳ ngành nghề hoặc doanh nghiệp nào mà họ đã đầu tư. Đạo luật cũng miễn thuế cho người Nepal không thường trú (NRN) đối với bất kỳ khoản tiền nào được gửi đến các tổ chức xã hội, tôn giáo, học thuật, văn hóa, từ thiện, thể thao hoặc cứu hộ thiên tai. Đạo luật cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu với cộng đồng người Nepal ở nước ngoài thông qua việc cấp thẻ công dân NRN. Người sở hữu thẻ không cần xin thị thực và có thể nhận được nhiều quyền lợi tương tự như công dân Nepal về các mặt xã hội, văn hóa và kinh tế.

Về lĩnh vực kinh tế, các chính sách khuyến khích đối với kiều dân Nepal và những người có thẻ NRN ở nhiều lĩnh vực như thuế, mua bán đất, hỗ trợ hoạt động nhập khẩu và từ thiện trong nước, nhằm khuyến khích họ trở về đầu tư, làm ăn và đóng góp lâu dài cho quốc gia (Mahim Shrestha, 2025). Các chính sách về mua bán, sở hữu đất đai, và quyền thừa kế cởi mở hơn đối với người có thẻ NRN khuyến khích kiều dân sinh sống trong nước, như:

(i) Miễn giảm và ưu đãi thuế: Nhà đầu tư thuộc diện NRN trong các lĩnh vực ưu tiên như thủy điện, du lịch hoặc sản xuất có thể được hưởng ưu đãi thuế thu nhập lên đến 7 năm.

(ii) Hàng nhập khẩu miễn thuế: thông quan không phải chịu thuế đối với các máy móc và thiết bị cho các dự án do những người thuộc diện NRN nhập khẩu.

(iii) Miễn trừ ngưỡng đầu tư: Đối với những người thuộc diện NRN, một số ngưỡng phê duyệt đầu tư theo FITTA (chẳng hạn như yêu cầu về vốn tối thiểu) có thể được miễn hoặc đơn giản hóa so với các nhà đầu tư nước ngoài khác.

(iv) Khấu trừ thuế đối với các khoản quyên góp: các khoản đóng góp cho các tổ chức phi lợi nhuận ở Nepal do những người thuộc diện NRN thực hiện có thể được khấu trừ lên tới 100.000 NPR hoặc 5% thu nhập chịu thuế (tùy theo số ít hơn) nếu họ thuộc diện nộp thuế.

(v) Quyền hồi hương: NRN có thể hồi hương lợi nhuận, cổ tức và tiền thu được từ việc bán cổ phiếu hoặc đầu tư, với điều kiện đã được chấp thuận trước và đã nộp thuế.

(vi) Phê duyệt nhanh chóng cho các lĩnh vực ưu tiên: Các khoản đầu tư của những người thuộc diện NRN vào các ngành công nghiệp được chỉ định có thể được phê duyệt và thông quan đơn giản thông qua Hội đồng Đầu tư Nepal.

(vii) Miễn trừ thừa kế tài sản: NRN có thể thừa kế tài sản của gia đình và tổ tiên mà không cần phê duyệt đặc biệt, với điều kiện họ có thể NRN.

(viii) Quyền mua đất: Công dân nước ngoài gốc Nepal có thể mua đất tại Nepal dựa theo các quy định và điều kiện cho phép.

Ngoài ra, chính sách visa đơn giản hơn cho người Nepal giữ hộ chiếu nước ngoài làm việc và kinh doanh trong nước được hưởng quyền lợi gia hạn và không hạn chế số lần nhập cảnh.

Năm 2012, chính sách việc làm tại nước ngoài được xây dựng nhằm định hướng quản lý hiệu quả việc làm ở nước ngoài và giúp quá trình di cư trở nên an toàn và dễ tiếp cận hơn, đồng thời giải quyết các vấn đề liên quan đến việc làm ở nước ngoài. Kế hoạch này thúc đẩy việc sử dụng các nguồn lực thu được từ nước ngoài để đầu tư vào Nepal thông qua một môi trường chính sách thuận lợi, thúc đẩy đầu tư kiều hối của người lao động vào lĩnh vực công nghiệp, các dự án phát triển cộng đồng và các chương trình phát triển cơ sở hạ tầng địa phương, với sự đồng tài trợ và đầu tư từ Chính phủ Nepal (Ronojoy Sen, 2020).

Năm 2014, Nepal đã ban hành Chính sách Người Nepal Không Thường trú, một văn bản chính thức hướng dẫn hoạt động kiều dân. Mặc dù chính sách này nhằm mục đích tăng cường sự tham gia của cộng đồng người nước ngoài vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của Nepal, nhưng nó đã phải đối mặt với nhiều chỉ trích vì thiếu rõ ràng, đặc biệt là về quyền công dân kép và những điểm yếu trong quá trình thực hiện (Desh Sanchar, 2025).

Năm 2016, Điều khoản Quốc tịch NRN ra đời, thông qua việc sửa đổi Hiến pháp Nepal, cho phép NRN được hưởng các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa theo quy định của luật liên bang.

Từ năm 2016 đến 2019, Kế hoạch Phát triển lần thứ 14 đề cập đến vấn đề việc làm ở nước ngoài, đóng góp của lao động nước ngoài vào nền kinh tế và sự phát triển của đất nước, sự di chuyển trong nước và xuyên biên giới, sự tham gia của khu vực tư nhân vào các lĩnh vực phát triển kinh tế rộng lớn, vai trò của cộng đồng người Nepal ở nước ngoài trong việc quảng bá các sản phẩm Nepal và ngoại giao kinh tế.

Kế hoạch Phát triển lần thứ 15, được thông qua vào tháng 3 năm 2020, nhận định vai trò quan trọng của kiều dân trong sự phát triển quốc gia, song song với tầm nhìn “Nepal thịnh vượng, người dân Nepal hạnh phúc” (Prosperous Nepal, Happy Nepali), trong đó tìm kiếm đầu tư, kiều hối, và chuyên gia nhằm phát triển kinh tế và con người.

Những chính sách này đã chứng minh thành công thông qua sự tăng trưởng về đóng góp của kiều dân Nepal dưới nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực phát triển kinh tế của quốc gia. Chính sách nhằm mục đích khuyến khích kiều dân Nepal tham gia vào các hoạt động kinh tế trong nước, đặc biệt thông qua các ưu đãi về thuế, hỗ trợ nhập khẩu, và đầu tư vào các ngành ưu tiên như thủy điện, du lịch và sản xuất. Đây là một cách để tận dụng dòng kiều hối và nguồn lực tài chính từ kiều dân để thúc đẩy phát triển trong nước.

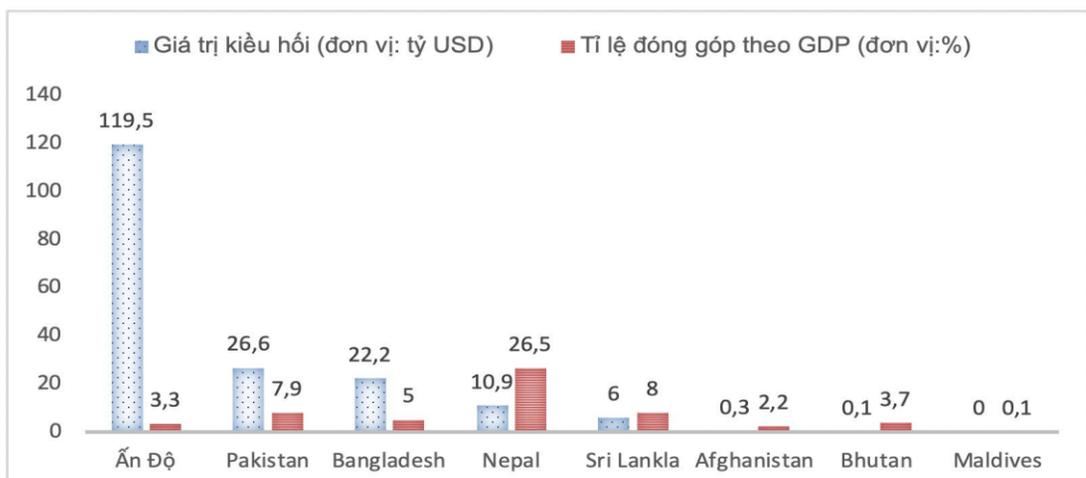
4. Đóng góp của kiều dân Nepal đối với sự phát triển quốc gia trong một số lĩnh vực

4.1. Phát triển kinh tế

Đối với những người Nepal cư trú bên ngoài lãnh thổ chính trị và địa lý của Nepal (NRN), bản sắc dân tộc hoặc cộng đồng quốc gia được hình thành ngay cả khi họ không ở trong lãnh thổ quốc gia. Họ vẫn giữ bản sắc Nepal với hai quốc tịch mặc dù xa quê hương. Người Nepal sống ngoài lãnh thổ Nepal như người lao động di cư ở vùng Vịnh, các chuyên gia thể hệ thứ hai ở Mỹ và châu Âu tuyên bố đoàn kết với những người dân Nepal trong nước.

So với nhiều quốc gia, giá trị kiều hối của Nepal không lớn, nhưng đối với nước này nó chiếm tỉ trọng lớn trong đóng góp vào GDP. Trong năm 2021, lượng kiều hối của Nepal ở mức 100 tỷ USD, đứng vị trí thứ 7/8 các quốc gia Nam Á, tuy nhiên đóng góp vào GDP cả nước lớn ở mức 24,8%, đứng vị trí đầu tiên trong nhóm. Có thể thấy, đối với những nền kinh tế càng nhỏ, kiều hối càng có vai trò quan trọng. Điều này có thể thấy thông qua trường hợp các nước Nam Á (Hình 4.1). Tỉ lệ lớn nguồn kiều hối đối với nền kinh tế Nepal đồng nghĩa với việc phát triển trong nước phụ thuộc vào bên ngoài, cũng là dấu hiệu của một sự phát triển thiếu tính chủ động. Nepal cũng là quốc gia thứ 6 trên thế giới có tỉ lệ đóng góp của kiều hối vào sự phát triển GDP (World Bank/KNOMAD, 2024).

Hình 4.1. Giá trị kiều hối (tỷ USD) và tỉ lệ đóng góp theo GDP (%) của các quốc gia Nam Á năm 2023



Nguồn: World Bank/KNOMAD (2024).

Theo nghiên cứu của Panthi, P. and J. Devkota (2013), nguồn kiều hối đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế. Theo Bảng 4.1, số lượng người lao động tại nước ngoài tăng đồng thời với sự sụt giảm tỉ lệ nghèo tại Nepal trong giai đoạn 2014 - 2015 đến 2021 - 2022. Sự phụ thuộc lớn của Nepal vào kiều hối thông qua đóng góp vào giảm tỉ lệ nghèo (giảm từ 25,2% trong năm 2014 - 2015 xuống còn 18,6% trong năm 2021 - 2022), và tăng GDP (từ 5,24% trong năm 2014 - 2015 lên cao nhất là 7,08% trong năm 2018 - 2019). Điều này cho thấy vai trò quan trọng của lực lượng kiều dân đối với sự phát triển kinh tế trong nước.

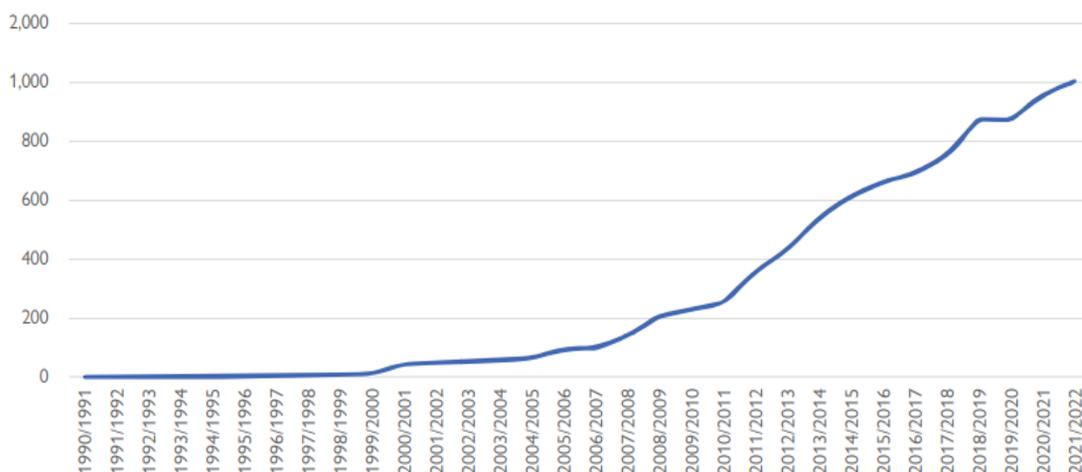
Bảng 4.1. Đóng góp của kiều dân Nepal đối với phát triển kinh tế quốc gia

Thời gian	Số lượng cấp phép lao động tại nước ngoài (mới và làm lại)	Giá trị kiều hối (% GDP)	Tỉ lệ nghèo (%)	Tỉ lệ phát triển kinh tế (%)
2014-2015	499.102	6,36	25,2	5,24
2015-2016	403.693	6,66	21,6	0,41
2016-2017	382.871	6,91	18,8	7,56
2017-2018	612.685	7,81	21,1	6,25
2018-2019	518.828	8,14	16,7	7,08
2019-2020	368.373	8,12	17,6	2,27
2020-2021	166.689	10,8	19,3	4,12
2021-2022	630.089	11,32	18,6	4,01

Nguồn: Ramesh Kumar KC (2023).

Hình 4.2. Giá trị kiều hối Nepal nhận trong giai đoạn 1990 - 2022

Đơn vị: tỷ NPR



Nguồn: Nepal Rastra Bank (2023b).

Có thể thấy, giá trị kiều hối Nepal nhận được có dấu hiệu tăng từ năm 2008 (Hình 4.2), là kết quả của các chính sách khuyến khích người Nepal trình độ cao ra nước ngoài. Với việc nâng cao chất lượng lao động, nguồn kiều hối cũng gia tăng, đóng góp cho phát triển của quê hương một cách tích cực hơn. Trong hơn 10 năm qua, Nepal đã ghi nhận những đóng góp của kiều dân Nepal cho sự phát triển quốc gia. Các NRN đã và đang có những đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển của Nepal. Bộ trưởng Ngoại giao Pradeep Gyawali (2018) đã phát biểu, điều cần thiết là phải “nâng cao mức độ hợp tác kinh tế với các NRN, cộng đồng người di cư và khu vực tư nhân”. Nepal cũng có kế hoạch gửi thêm nhiều người di cư có tay nghề ra nước ngoài để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động quốc tế.

4.2. Cầu nối văn hóa

Các cộng đồng người Nepal di cư đã thực hiện nhiều hoạt động quan trọng trên vùng đất họ chọn để phát triển lợi ích nghề nghiệp, học thuật, văn hóa, ngoại giao và kinh doanh. Họ đã thành lập các tổ chức địa phương, khu vực, quốc gia, quốc tế và toàn cầu nhằm thúc đẩy kết nối hiểu biết về văn hóa, xã hội giữa Nepal và nơi họ cư trú, như Hiệp hội Người Nepal tại Đông Nam Mỹ (NASeA),... Ngoài ra, nhiều thành viên cộng đồng người Nepal ở nước ngoài cũng phục vụ Nepal tại quốc gia cư trú của họ với tư cách là lãnh sự danh dự, đại diện thương mại, đại sứ du lịch và các chức danh tương tự. Theo IOM (2024), cộng đồng kiều dân ủng hộ phát triển các sự kiện văn hóa và giáo dục ngôn ngữ thể hiện cam kết bảo tồn và tôn vinh văn hóa Nepal; đồng thời các tổ chức kiều dân Nepal ở trong và ngoài nước có thể hợp tác thúc đẩy các hoạt động văn hóa. Việc khuyến khích kiều dân Nepal thông qua các chính sách ưu đãi không chỉ giúp tăng cường tính đoàn kết mà còn giúp củng cố mối quan hệ giữa các cộng đồng kiều dân và chính quyền Nepal.

4.3. Kỹ thuật và tri thức

Không chỉ đóng góp về kinh tế, kiều dân Nepal, đặc biệt là lực lượng lao động chất lượng cao, hỗ trợ chuyển giao tri thức, chuyên môn và kỹ thuật thông qua các tổ chức ngành nghề được thành lập tại nước ngoài, như Quỹ Y khoa Mỹ - Nepal (AMNF), Hiệp hội Kỹ sư Nepal Mỹ (ASNEng), Hiệp hội Vật lý Nepal tại Mỹ (ANPA), Hiệp hội Toán học Nepal tại Mỹ (ANMA), Hiệp hội Y tá Mỹ - Nepal (NANA), Hiệp hội Địa lý Nepal (ANG), Hiệp hội Chuyên gia Nông nghiệp Nepal Châu Mỹ (NAPA), Nhóm Lâm nghiệp Nepal (NFG) và Quỹ Canada vì Nepal (CFFN). Các tổ chức này không chỉ kết nối cộng đồng người Nepal ở nước ngoài củng cố mạng lưới chuyên môn, mà đồng thời, phối hợp thành lập các trung tâm nghiên cứu và học tập liên quan đến Nepal có liên kết với các tổ chức làm việc của họ, như trung tâm Nghiên cứu Nepal tại Đại học New Mexico và Sáng kiến Nghiên cứu Nepal tại Đại học Washington (Ambika P. Adhikari, 2022).

Cộng đồng người Nepal ở nước ngoài đã tạo ra và triển khai nhiều hoạt động liên quan đến chuyển giao kiến thức và công nghệ nhằm tạo điều kiện cho cộng đồng người Nepal di cư tham gia vào sự phát triển kinh tế - xã hội và công nghệ của Nepal, như việc thành lập Đại học Mở Nepal, ban đầu là sáng kiến Đại học Mở Nepal (OUN) vào năm

2009 do cộng đồng người Nepal ở Mỹ, Canada và Australia khởi xướng, sau đó nhận được sự ủng hộ từ người Nepal ở các nước khác. Năm 2016, trường đi vào hoạt động, tạo cơ hội học tập cho người dân từ các vùng sâu vùng xa và các cộng đồng thiểu số được tiếp cận với nền giáo dục đại học chất lượng.

Hỗ trợ về chính sách thể hiện qua việc thành lập Viện Chính sách Nepal (NPI), như một tổ chức toàn cầu bởi một nhóm các thành viên kiều dân Nepal năm 2019. Viện là một tổ chức tư vấn quốc tế và một nền tảng tri thức dành riêng cho sự phát triển bền vững, lấy con người làm trung tâm của Nepal và người dân Nepal, bao gồm kiều dân Nepal. Bên cạnh đó, Trung tâm Brain Gain thành lập năm 2019 đã góp phần thể chế hóa kết nối kinh tế với kiều dân Nepal.

4.4. Hỗ trợ nhân đạo và thiên tai

Kiều dân Nepal hỗ trợ các vấn đề thiên tai và nhân đạo trong nước. Các nhóm kiều dân Nepal thường tổ chức các sự kiện gây quỹ khi cần thiết để hỗ trợ cứu trợ thiên tai và các chương trình từ thiện khác ở Nepal. Các hội nghị, hội thảo và hội nghị chuyên đề cấp quốc gia, quốc tế và toàn cầu được tổ chức nhằm nâng cao kiến thức liên quan đến sự phát triển ở nhiều lĩnh vực khác nhau tại Nepal. Năm 2015, lượng kiều hối gia tăng ở mức 20,9% sau trận động đất tại Nepal, so với tốc độ tăng trưởng 3,2% của năm 2014.

Riêng tại Australia, kiều dân Nepal hỗ trợ nhân đạo tại quê nhà dưới nhiều hình thức như: (1) cung cấp viện trợ tài chính, quyên góp hoặc gây quỹ, (2) vận động và tham gia truyền thông, (3) liên lạc trực tiếp với Nepal để hỗ trợ và cung cấp thông tin, (4) làm tình nguyện viên và việc làm trong lĩnh vực nhân đạo, và (5) tài trợ cho việc di cư đến Úc (Cecily Reid, 2022).

Kết luận

Có thể thấy, sự phát triển của Nepal ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào dòng kiều hối từ kiều dân Nepal, bên cạnh các hỗ trợ về kiến thức, kỹ thuật, cầu nối văn hóa, nhân đạo và thiên tai. Mô hình tăng trưởng của Nepal phụ thuộc rất nhiều vào kiều hối và du lịch, do đó, sự chậm lại trong tăng trưởng của các nước đối tác có thể dẫn đến cản trở tăng trưởng kinh tế của Nepal. Đây là một yếu tố quan trọng trong câu chuyện giảm nghèo và tăng trưởng của đất nước nhưng lại không chuyển hóa thành việc làm chất lượng trong nước, làm trầm trọng thêm vòng luẩn quẩn mất cơ hội và tình trạng nhiều người Nepal tiếp tục ra nước ngoài tìm kiếm việc làm. Có 82% lực lượng lao động của Nepal làm việc trong khu vực phi chính thức, cao hơn nhiều so với mức trung bình của toàn cầu và khu vực (World Bank, 2025).

Tình hình chính trị và an ninh ổn định có vai trò quan trọng trong thu hút kiều hối và đóng góp của cộng đồng ở nước ngoài trở về Nepal. Các rủi ro, như bất ổn địa chính trị và các hạn chế thương mại gia tăng, có thể gây tác động tiêu cực tới dòng hỗ trợ về kinh tế và tri thức cho quá trình phát triển đất nước. Quốc gia này có một “di sản” về quản trị yếu kém. Nhiều chính phủ đã được thành lập kể từ khi chế độ quân chủ bị bãi

bỏ vào năm 2008 và bất ổn thường xuyên diễn ra. Tháng 9 năm 2025, Nepal chứng kiến khủng hoảng chính trị chưa từng có xảy ra tại nước này. Một phần nguyên nhân đến từ tỉ lệ thất nghiệp cao tại đây, đặc biệt là trong giới trẻ. Do đó, bên cạnh việc duy trì và phát triển các chính sách hấp dẫn đối với kiều dân Nepal, việc xây dựng một hệ thống chính trị ổn định và minh bạch là yêu cầu thiết yếu cho sự phát triển trong nước và thu hút kiều dân Nepal đóng góp cho quê hương.

Tài liệu tham khảo

1. Adhikari, Ambika P. (2022). *A Review of Nepali Diaspora and their Role in Nepal's Development and Lessons for Developing Countries*. Nepal Study Center, University of New Mexico.
2. Ambika P. Adhikari (2022). The Nepali diaspora's role in national development. *Policy Design and Practice*. Volume 6, 2023 - Issue 3.
3. Barbara J Merz; Lincoln C Chen and Peter F Geithner (Ed.) (2009). *Diasporas and Development*. David de Ferranti, Anthony J. Ody Global Equity Initiative, Harvard University.
4. Cecily Reid (2022). Diaspora Humanitarians How Australia-based migrants help in crises abroad. *Nepal Briefing*. Australian National University.
5. David de Ferranti và Anthony J. Ody (2007). What can Remittances and other migrant flows do for equitable development? *Diasporas and Development*, ed. Barbara J.Merz, Lincoln C. Chen, and Peter F. Geithner. Cambridge, MA: Harvard University Press.
6. DESA (2020). *Migration in Nepal: A Country Profile 2019*. IOM, Kathmandu.
7. Desh Sanchar (2025). Nepal's Diaspora Policy from Sentiment to Strategy. Nepal's Diaspora Policy from Sentiment to Strategy. *Desh Sanchar*. <https://english.deshsanchar.com/nepals-diaspora-policy-from-sentiment-to-strategy/>. Ngày truy cập 03/3/2025.
8. Government of Nepal (2008). *The Foreign Employment Rules, 2064 (2008)*. <https://janakpur.leo.gov.np/rules/2aebd02207b3c31e10d0f2e88046e38157c43836-1701329880.pdf>. Ngày truy cập 03/9/2025.
9. Government of Nepal (2024). *Nepal living standards survey IV 2022/23*. <https://data.nsonepal.gov.np/dataset/b6c3c19b-4b15-44bf-8653-1571e76dad14/resource/e2d52301-1c25-498b-8732-4326c62a2372/download/nlss-iv.pdf>. Ngày truy cập 03/9/2025.
10. Hemant Raj Adhikari l and Bishnu Bahadur Khatri (2024). Remittance in Nepalese Economy: Trends, Contributions, and Policy Implications. *Patan Pragya* (Volume: 13, Number: 1, 2024). <https://doi.org/10.3126/pragya.v13i1.71179> ISSN 2594-3278. Ngày truy cập 03/9/2025.

11. International Organization for Migration (IMO) (2013). Diaspora ministerial conference, *International Conference Centre Geneva (CICG) 18–19 June 2013 Diasporas and development: Bridging societies and states*. https://www.iom.int/sites/g/files/tmzbd12616/files/2018-07/DMC_Final_Conference_Report_0.pdf. Ngày truy cập 05/9/2025.

12. International Organization for Migration (IOM) (2011). *Glossary on Migration*. International Migration Law No. 25. IOM, Geneva.

13. International Organization for Migration (IOM) (2024). *Mapping the Nepalese Diaspora*. IOM, Kathmandu ISBN 978-92-9268-944-5 <https://publications.iom.int/system/files/pdf/pub2024-050-el-diaspora-mapping-and-engagement-in-nepal.pdf>. Ngày truy cập 05/9/2025.

14. Mahim Shrestha (2025). *Unleashing Nepal's Diaspora: Investment, Innovation, and Aid*. <https://nepaleconomicforum.org/unleashing-nepals-diaspora-investment-innovation-and-aid/>. Ngày truy cập 05/9/2025.

15. Nepali Sansar (2019). *Nepal Foreign Education Department: As many as 323,972 Students Studying Abroad*. <https://www.nepalisansar.com/education/nepal-foreign-education-department-as-many-as-323972-students-studying-abroad/>. Ngày truy cập 03/9/2025.

16. Online Khabar (2022). *Remittance Inflow Continues to Fall throughout the Fiscal Year's First Half*. <https://english.onlinekhabar.com/remittance-inflow-fall.html>. Ngày truy cập 03/9/2025.

17. Panthi, P. and J. Devkota (2023). Remittance Inflows, Institutional Quality, and Economic Growth in Nepal. *ADB Working Paper 1407*. Tokyo: Asian Development Bank Institute. <https://doi.org/10.56506/CQOS3941> Ngày truy cập 03/9/2025.

18. Plaza, S., & Ratha, D. (2011). *Diaspora for Development in Africa*. Washington DC: The World Bank. <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/2295/616380PUB0Dias1351B0Extop0ID0182580.pdf?sequence=1&isAllowed=y>. Ngày truy cập 30/8/2025.

19. Pradeep Gyawali (2018). Speech by Hon. Pradeep Gyawali, Minister for Foreign Affairs on the theme “Role of Nepali Diaspora for Development Policies”. *Government of Nepal*. <https://mofa.gov.np/content/1207/speech-by-hon--pradeep-kumar-gyawali--minister/>. Ngày truy cập 30/8/2025.

20. Pratima Sharma (2021). Diaspora Diplomacy: Emerging Priority of Nepal's Foreign Policy. *Journal of Political Science*. 21:86-99 DOI:10.3126/jps.v21i0.35267 Ngày truy cập 03/9/2025.

21. Ronojoy Sen (2020). *Diaspora engagement mapping*. https://diasporaforddevelopment.eu/wp-content/uploads/2020/07/CF_China-v.3.pdf. Ngày truy cập 05/9/2025.
22. Safran, W. (1991). *Diaspora in Modern Societies: Myth of Homeland and Return*. *Diaspora*, Vol. 1, No. 1, Spring. pp.83-99.
23. Shahi, H. B. (2025). Contribution of Remittance to the National Economy of Federal Nepal. *PAAN Journal*, 31(01), 1820–1831. <https://doi.org/10.3126/paanj.v31i01.73604>. Ngày truy cập 10/9/2025.
24. Tej Prasad Paudel (2025). Contribution of Remittance in Poverty Alleviation Nepal Journals Online (JOL). *Economic Review of Nepal*. Vol. 2 (1), 202-211, <https://doi.org/10.3126/ern.v2i1.53134>. Ngày truy cập 05/9/2025.
25. Thakur Prasad Subedi (2013). *Diaspora and Development in Nepal: A Sluggish State and Heterogeneous Diaspora*. *IOM MRTC Working Paper Series*.
26. United Nations (2017). Contributions of migrants and Diasporas to all dimensions of sustainable development, including remittances and portability of earned benefits. *Issue Brief*. https://refugeesmigrants.un.org/sites/default/files/ts4_issuebrief.pdf. Ngày truy cập 05/9/2025.
27. William Safran (1991). *Diasporas in Modern Societies: Myths of Homeland and Return*. *Diaspora: A Journal of Transnational Studies*. University of Toronto Press. Volume 1, Number 1, Spring 1991.
28. World Bank (2025). *The World Bank In Nepal*. <https://www.worldbank.org/en/country/nepal/overview>. Ngày truy cập 03/9/2025.
29. World Bank/KNOMAD (2024). *Migration and Development Brief 40* <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099714008132436612/pdf/IDU1a9cf73b51fcad1425a1a0dd1cc8f2f3331ce.pdf>. Ngày truy cập 20/8/2025.